

Thống kê TPDN

Giá trị phát hành trái phiếu duy trì ổn định trong tháng 9

Không xếp hạng

Tổng giá trị phát hành trái phiếu duy trì ổn định trong tháng 9

- Giá trị phát hành trái phiếu tháng 9 đạt 63.057 tỷ đồng, giảm 3,4% t/t nhưng tăng 53,8% n/n. Giá trị phát hành 9T26 đạt 431.242 tỷ đồng (+4,64% n/n) (Hình 1).
 - o Ngân hàng phát hành 39.993 tỷ đồng, chiếm 63,4%, tăng 1,8% t/t và 39,2% n/n. Techcombank dẫn đầu với 10.000 tỷ đồng, theo sau là HDBank với 7.000 tỷ đồng (Bảng 1).
 - o Ngành Bất động sản phát hành 20.800 tỷ đồng, chiếm 33%, đi ngang so với tháng trước nhưng tăng 505% n/n (Hình 2). Vinhomes là tổ chức phát hành lớn nhất với 10.000 tỷ đồng.
- Lãi suất danh nghĩa bình quân tăng lên 9,8% từ mức 9,6% trong tháng 8; trong đó lãi suất bình quân ngành Ngân hàng đạt 8,9% và ngành Bất động sản đạt 11,3% (Hình 3).
- Trái phiếu có kỳ hạn dưới 3 năm chiếm 59,9%, tiếp theo là kỳ hạn 3–5 năm (15,0%), 5–7 năm (18,3%), 7–10 năm (6,5%) và trên 10 năm (0,2%) (Hình 4).

Giá trị mua lại trái phiếu tập trung ở ngành Ngân hàng

- Giá trị mua lại tháng 9 đạt 26.012 tỷ đồng, giảm 53,5% t/t và tăng 36,9% n/n (Hình 5). Ngân hàng chiếm 24.713 tỷ đồng tương đương 95,0% tổng giá trị mua lại; lũy kế 9T26 đạt 262.299 tỷ đồng, tăng 9,0% n/n:
 - o Techcombank (TCB) dẫn đầu giá trị mua lại với 4.000 tỷ đồng, đóng góp 15,4% tổng giá trị mua lại trong tháng (Bảng 4).
 - o LPBank (LPB) mua lại tổng cộng 3.920 tỷ đồng, tương đương 15,0% tổng giá trị mua lại trong tháng 9.

Áp lực đáo hạn đang có xu hướng gia tăng

- Tổng giá trị chậm thanh toán trong tháng 9 giảm 68,9% t/t xuống 2.286 tỷ đồng. Trong đó, giá trị chậm trả gốc đạt 2.195 tỷ đồng và chậm trả lãi đạt 89,8 tỷ đồng (Hình 7).
 - o Hưng Thịnh Land với 2.195 tỷ đồng chậm trả gốc và 6,7 tỷ đồng trả lãi.
- Tổng giá trị đáo hạn trong tháng 10 có thể đạt 21.822 tỷ đồng, +16,72% t/t (Hình 8), tập trung ở Bất động sản (44,44%) và Thương mại và dịch vụ (22,7%) (Hình 9).
- Bông Sen, BĐS Hải Đăng và Thời đại mới T&T đối mặt với áp lực đáo hạn lớn, lần lượt là 4.800 tỷ đồng, 3.800 tỷ đồng và 2.500 tỷ đồng trong tháng 10 (Bảng 6).

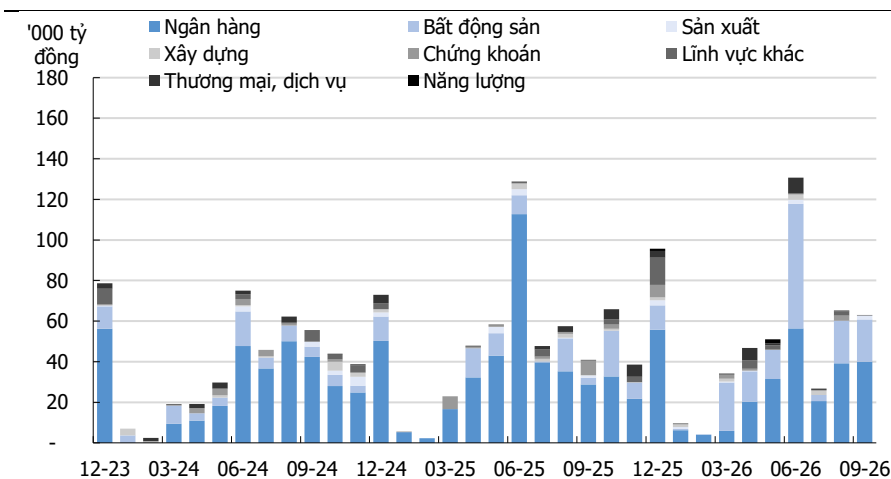
Giao dịch thị trường thứ cấp tăng trong tháng 9/2026

- Trong tháng 9, tổng giá trị giao dịch trái phiếu trên thị trường thứ cấp tăng 16,2% t/t và 12,3% n/n, đạt 148.632 tỷ đồng (Hình 10).
- Giao dịch trên thị trường thứ cấp tập trung chủ yếu ở ngành Bất động sản (59%) và Ngân hàng (16%) (Hình 11).
- Trung bình lợi suất trái phiếu đạt đến 9,4% vì lợi suất ngành Bất động sản tăng đến 10,2%. Trong khi đó, ngành Ngân hàng tăng lên 7,4% (Hình 12).

Phòng Phân Tích
research@kisvn.vn

Trong tháng 9, tổng giá trị phát hành trái phiếu đạt 63.057 tỷ đồng, tăng 53,8% n/n nhưng giảm 3,4% t/t.

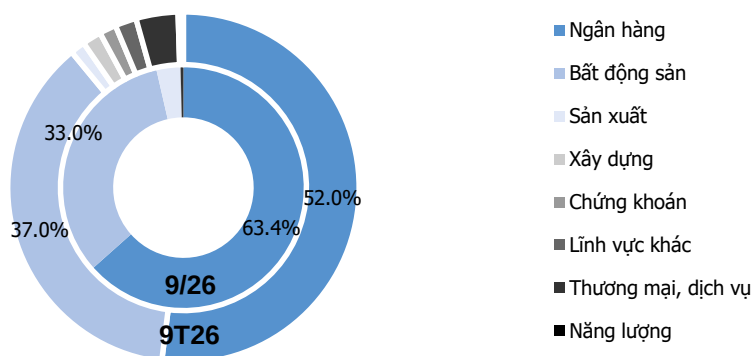
Hình 1. Tổng giá trị phát hành mới trong tháng 9 năm 2026



Nguồn: HNX, KIS Research
 Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Hình 2. Ngành ngân hàng ghi nhận giá trị cao nhất trong tháng 9

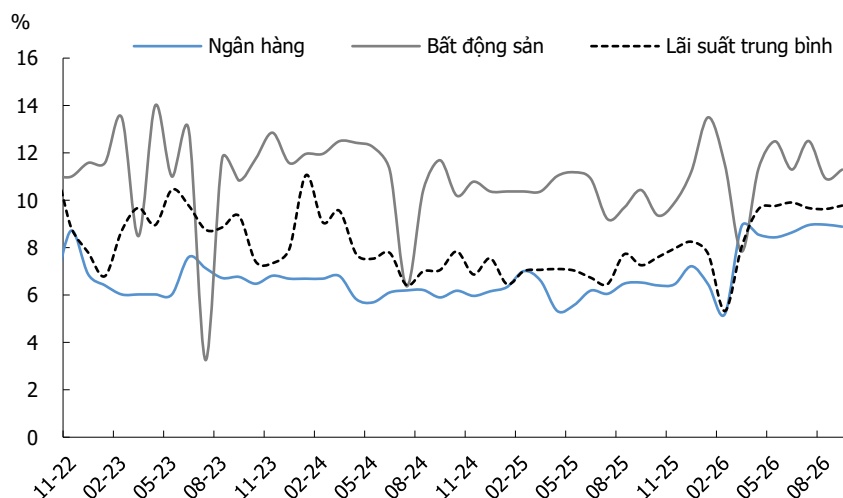
Ngành Ngân hàng chiếm tỷ trọng phát hành lớn nhất trong tháng 9/2026, đạt 63,4% với tổng giá trị



Nguồn: HNX, KIS Research
 Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

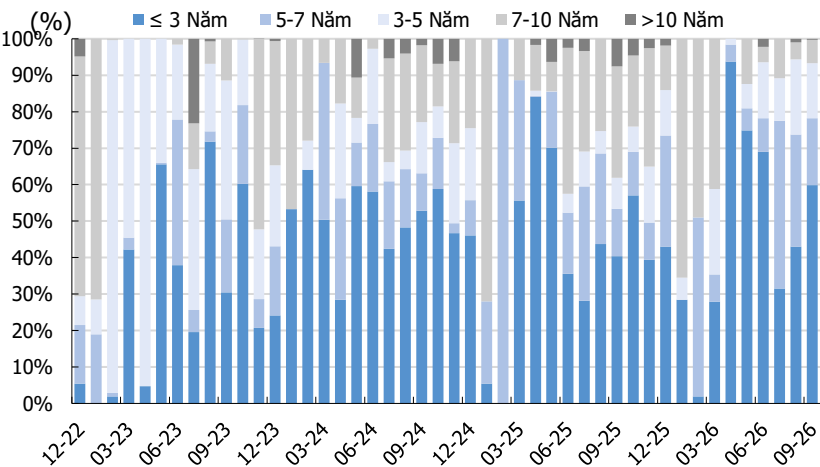
Hình 3. Lãi suất danh nghĩa trung bình ngành và bất động sản tăng trong tháng 9

Lãi suất danh nghĩa bình quân tăng lên 9,8%. Trong đó, ngành Ngân hàng duy trì ở mức 8,9%, trong khi ngành Bất động sản tăng lên 11,3%



Nguồn: HNX, KIS Research
 Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

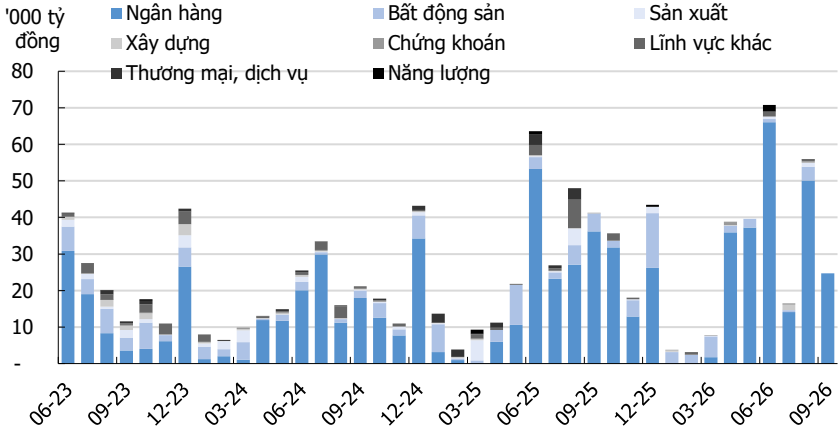
Hình 4. Cơ cấu kỳ hạn tập trung chủ yếu ở mức dưới 3 năm



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Trái phiếu có kỳ hạn từ 3 năm trở xuống chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 59,89% tổng giá trị phát hành.

Hình 5. Giá trị mua lại trong tháng 9 giảm -36,9% n/n



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Tổng giá trị mua lại trái phiếu trong tháng 9/2026 đạt 26.012 tỷ đồng, giảm 36,9% n/n.

Bảng 1: Tổng giá trị phát hành mới tháng 9/2026 (tỷ đồng, tháng, %)

Tổ chức phát hành	Tháng	Ngành	Khối lượng	Kỳ hạn	Lãi suất
TCB	9	Ngân hàng	10,000	36	8.6 - 9
VHM	9	Bất động sản	10,000	24	12
MLOC	9	Bất động sản	7,000	48	10.6
HDB	9	Ngân hàng	6,000	36 - 72	8.7 - 9.2
BID	9	Ngân hàng	5,693	60 - 168	8 - 8.2
MBB	9	Ngân hàng	3,250	72 - 84	9 - 9.2
LPB	9	Ngân hàng	3,100	36 - 72	9.2 - 9.6
VIB	9	Ngân hàng	3,000	36	8.9
PCB	9	Ngân hàng	2,500	84 - 120	9.6 - 10.5
TPB	9	Ngân hàng	2,450	36 - 120	9 - 9.7
OCB	9	Ngân hàng	2,000	24	9
TCOC	9	Sản xuất	2,000	36	11.75
HULC	9	Bất động sản	2,000	36	10
KNCC	9	Bất động sản	1,800	60	11.5
STB	9	Ngân hàng	1,700	72	9.5
Tổng			63.057		

Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Bảng 2: Các tổ chức phát hành và nhóm ngành lớn nhất 2025

(tỷ đồng, tháng, %)

Ngành/ Tổ chức phát hành lớn	Bên liên quan	Khối lượng	Kỳ hạn	Lãi suất
Ngân hàng		412.680		
Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	Masan Group	52.750	24 - 36	5 - 7,2
Ngân hàng Á Châu (ACB)		36.850	24 - 60	4,9 - 7
Ngân hàng Phương Đông (OCB)		36.400	24 - 36	5,1 - 6,9
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)		32.303	24 - 240	5,7 - 6,7
Ngân hàng Quân đội (MB)	Viettel, Tân Cảng Sài Gòn	32.174	36 - 120	5 - 7,28
Ngân hàng Thịnh vượng và Phát triển (VPBank)		30.400	24 - 36	5,2 - 7,6
VBAC		27.470	24 - 180	0 - 6,7
Ngân hàng Quốc tế (VIB)		21.200	24 - 96	5,6 - 7,5
Ngân hàng Phát triển TP.HCM (HDBank)	Sovico Group	20.362	24 - 96	0 - 7,9
Ngân hàng Lọc Phát Việt Nam (LPBank)		18.550	36 - 120	5,8 - 7,6
Ngân hàng Tiên Phong (TPBank)		17.241	24 - 120	5,5 - 8,18
Bất động sản		138.229		
Tập đoàn Vingroup		31.000	24 - 36	11 - 12,5
Công ty Cổ phần Vinhomes	Vingroup	19.500	39 - 42	11 - 12
Bất động sản Trường Minh		10.000	12 - 36	8,9 - 9,8
Sản xuất		18.464		
Sản xuất và Kinh doanh VinFast	Vingroup	12.500	36	12 - 12,5
Tập đoàn Trường Hải (THACO)		2000	60	8,5
Goldsun		800	36	10,8
Dịch vụ chứng khoán		18.098		
Chứng khoán VPS		5.000	24	8,3
Chứng khoán Rồng Việt		2.960	12	8 - 8,2
Thương mại và dịch vụ		12.360		
Cáp treo Dịch vụ Bà Nà		3.230	55- 60	9,7 -10,5
Xây dựng		9.335		
Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CIJ)		3.280	60 – 120	8,5 – 10,25
Khác		22.533		
Hàng không Vietjet	Sovico Group	10.500	60 - 84	9,72 - 10,5
Phát triển Hạ tầng Nam Quang		4.500	84 - 108	9 - 9,1
Tổng		632,839		

Nguồn: HNX, KIS Research
Note: Data as of Dec 2025

Bảng 3: So sánh lãi suất phát hành và giá trị phát hành ngành Ngân hàng giữ 2025 và 9T26

(tỷ đồng, tháng, %)

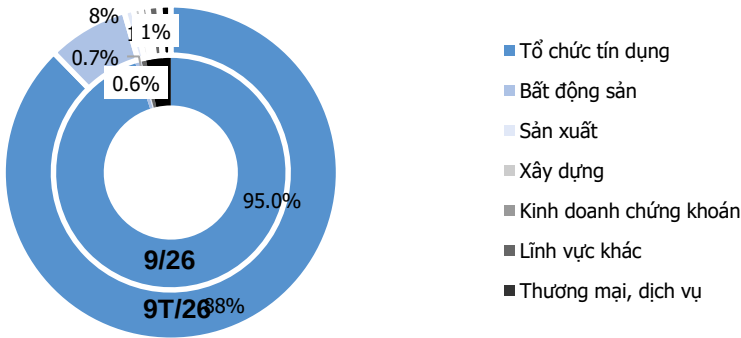
Tổ chức phát hành	Ngành	2025			9T26		
		Khối lượng	Kì hạn	Lãi suất	Khối lượng	Kì hạn	Lãi suất
TCB	Ngân hàng	52.750	24 - 36	5 - 7,2	38,000	24 - 36	8.4 - 9
STB	Ngân hàng	-	-	-	21,650	24 - 72	8.5 - 10
MBB	Ngân hàng	32.174	36 - 120	5 - 7,28	23,100	36 - 120	8 - 9.2
HDB	Ngân hàng	20.361.6	24 - 96	0 - 7,9	24,900	36 - 96	8.3 - 9.2
BID	Ngân hàng	32.303	24 - 240	5,68 - 6,68	17,508	60 - 240	5.2 - 8.25
LPB	Ngân hàng	18.550	36 - 120	5,8 - 7,6	13,200	24 - 84	8.5 - 9.6
VIB	Ngân hàng	21.200	24 - 96	5,6 - 7,5	13,200	24 - 84	8.5 - 9.6

BAB	Ngân hàng	12.500	24 - 84	5,4 - 7,5	9,300	24 - 36	8.4 - 9
VPB	Ngân hàng	30.400	24 - 36	5,2 - 7,6	7,600	36	8 - 9
TPB	Ngân hàng	17.241	24 - 120	5,5 - 8,18	9,570	36 - 120	8.85 - 9.7
OCB	Ngân hàng	36.400	24 - 36	5,1 - 6,9	9,000	24 - 36	8 - 9
CTG	Ngân hàng	16.350	96 - 180	4,9 - 6,35	6,221	95.9	6.45
VCB	Ngân hàng	4.000	24	4,8 - 5,8	5,150	48 - 120	7.87 - 8
MSB	Ngân hàng	13.180	36 - 84	5,2 - 6,8	5,000	36	8.4 - 8.45
SHB	Ngân hàng	13.030	83,9	7 - 8,2	4,000	72 - 84	9.5 - 9.7
NAB	Ngân hàng	2.960	36 - 84	5,6 - 7	2,649	24 - 84	8 - 9.6
ACB	Ngân hàng	36.850	24 - 60	4,95 - 7	3,000	24 - 120	8 - 8.5
HCVC	Ngân hàng	3.600	24 - 36	6,8 - 7,1	2,800	24 - 36	9.5 - 9.8
BVCC	Ngân hàng	-	-	-	2,000	119.8	9.63
VBB	Ngân hàng	2.500	83,9	7,4 - 8,2	1,500	83.9	9.7
PCB	Ngân hàng	-	-	-	4,000	84 - 120	9.6 - 10.5
VAB	Ngân hàng	391	82 - 84	7,475 - 8	100	83.9	9

Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Hình 6. Ngành Ngân hàng chiếm ưu thế về giá trị mua lại trong tháng 9

Ngành Ngân hàng chiếm ưu thế trong hoạt động mua lại trái phiếu, đóng góp 95% tổng giá trị mua lại trong tháng 9/2026.



Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

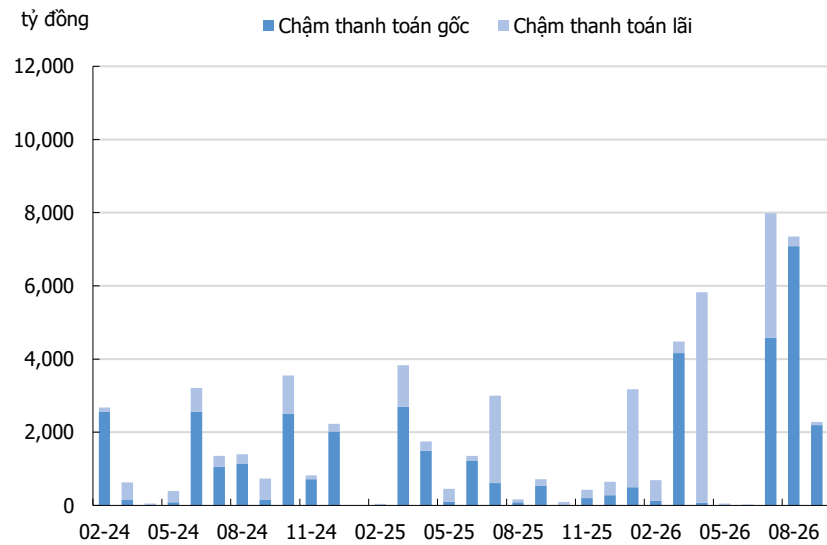
Bảng 4. 8 Tổ chức với giá trị mua lại lớn nhất trong tháng (tỷ đồng)

Tổ chức	Ngành	Khối lượng	Giá trị còn lại
TCB	Ngân hàng	4,000	0
LPB	Ngân hàng	3,920	0
HDB	Ngân hàng	3,000	0
MBB	Ngân hàng	3,000	0
VPB	Ngân hàng	2,800	0
TPB	Ngân hàng	2,703	1.2
VIB	Ngân hàng	2,000	0
OCB	Ngân hàng	1200	0
Tổng		26,012	

Nguồn: HNX, KIS Research
Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Hình 7. Khối lượng chậm thanh toán trong tháng 9 năm 2026

Tổng giá trị chậm thanh toán trong tháng 10 đạt 2.296 tỷ đồng, giảm 68,9% tt.



Nguồn: HNX, KIS Research
 Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Bảng 5: Tổ chức phát hành chậm thanh toán trái phiếu tháng 9/2026

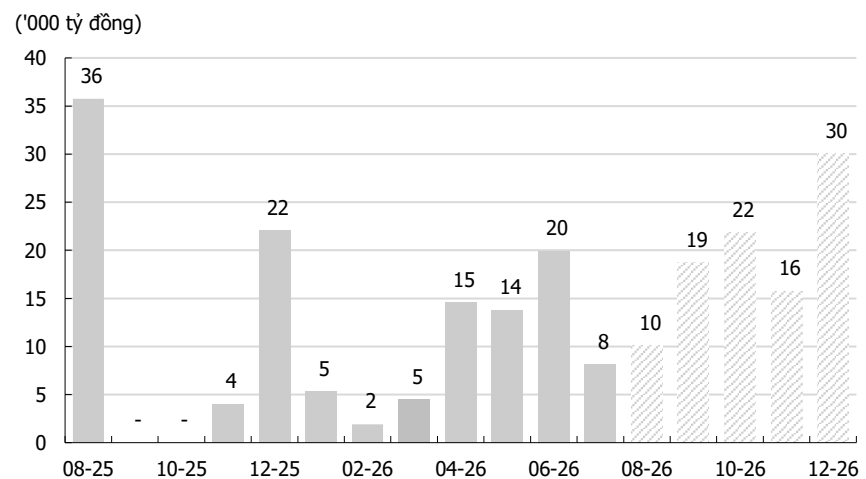
(tỷ đồng)

Tổ chức phát hành	Ngành	Trả chậm gốc	Trả chậm lãi
Hưng Thịnh Land	Bất động sản	2,195	6.7
R&H Group	Bất động sản		83.1
Tổng		2,195	98.8

Nguồn: HNX, KIS Research
 Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Hình 8. Áp lực đáo hạn có thể tăng trong tháng 10 năm 2026

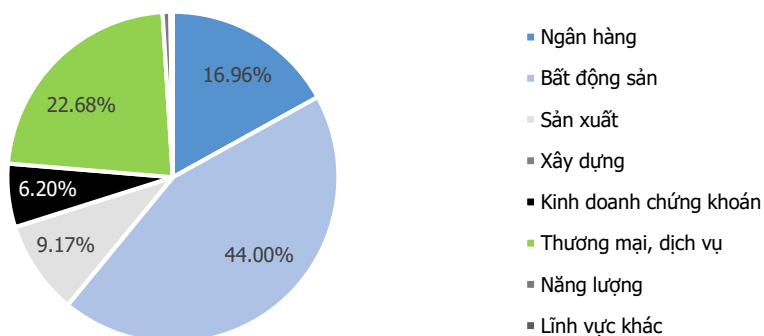
Tổng giá trị đáo hạn trong tháng 10 đạt 21.822 tỷ đồng, tăng 16,7% tt.



Nguồn: HNX, KIS Research
 Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Hình 9. Ngành Bất động sản và Dịch vụ chứng khoán chịu áp lực trong tháng 10

Áp lực đáo hạn tập trung ở ngành Bất động sản (44%) và Thương mại và Dịch vụ (22,7%), trong khi ngành Ngân hàng chỉ chiếm 16,9% tổng giá trị đáo hạn trong tháng 10.



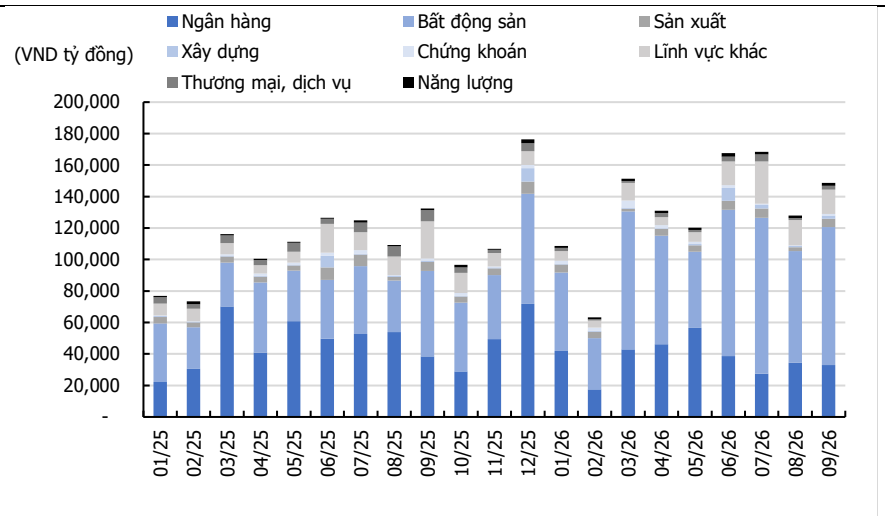
Nguồn: HNX, KIS Research
 Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Bảng 6: Top 10 tổ chức phát hành có thể đối mặt với áp lực đáo hạn cao nhất trong tháng 10

(tỷ đồng)

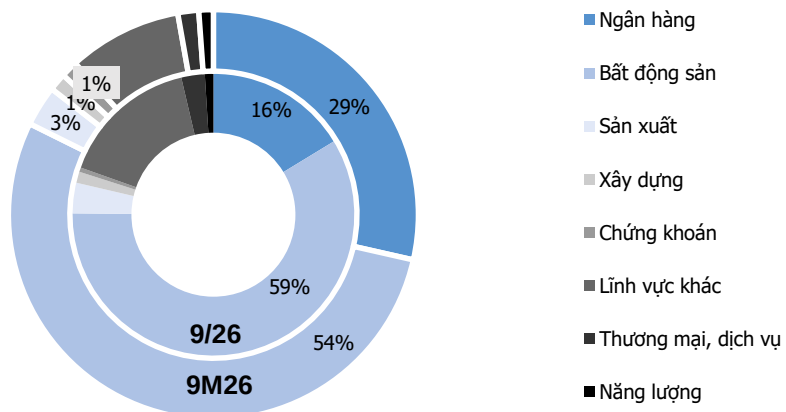
Tổ chức phát hành	Mã	Ngành	Giá trị
Bông Sen		Thương mại và Dịch vụ	4,800
Bất động sản Hải Đăng		Bất động sản	3,800
Thời đại mới T&T		Bất động sản	2,500
Ngân hàng Á Châu	ACB	Ngân hàng	2,000
CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast		Sản xuất	2,000
Vạn Trường Phát		Bất động sản	2,000
Ngân hàng Tài Lộc	STB	Ngân hàng	1,500
Chứng khoán Rồng Việt	VDS	Chứng khoán	1,000
Bất động sản Thế Kỷ	CRE	Bất động sản	620
Chứng khoán SHB	SHS	Chứng khoán	352

Nguồn: HNX, KIS Research
 Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Hình 10. Tổng giá trị giao dịch thứ cấp tháng 9/2026


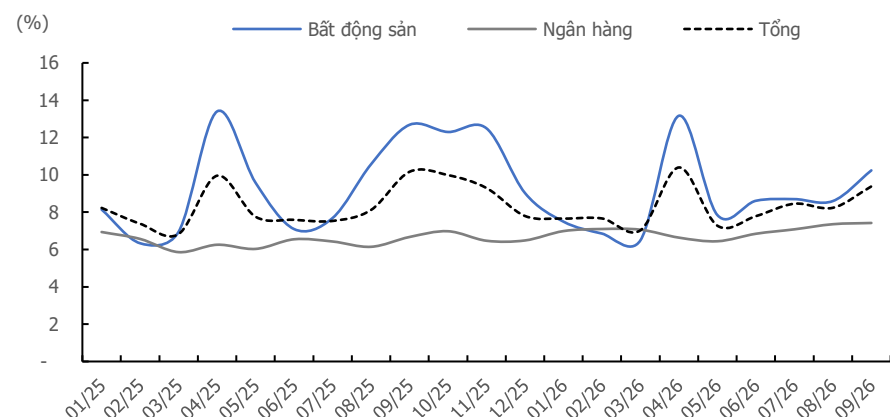
Nguồn: HNX, KIS Research
 Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Trong tháng 9, tổng giá trị giao dịch trái phiếu trên thị trường thứ cấp tăng 16,2% t/t và 12,3% n/n, đạt 148.632 tỷ đồng.

Hình 11. Bất động sản chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị giao dịch tháng 9


Nguồn: HNX, KIS Research
 Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

Giao dịch trên thị trường thứ cấp tập trung chủ yếu ở ngành Bất động sản (59%) và Ngân hàng (16%).

Hình 12. Lợi suất trái phiếu các ngành bật tăng trở lại trong tháng 9/2026


Trung bình lợi suất trái phiếu đạt đến 9,4% vì lợi suất ngành Bất động sản tăng đến 10,2%. Trong khi đó, ngành Ngân hàng tăng lên 7,42%.

Nguồn: HNX, KIS Research
 Chú thích: Dữ liệu thu thập vào ngày 07/10/2026

- **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**
 - MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
 - Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
 - Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
 - KIS Vietnam Securities Corp. không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

- **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp. với ngành trong 12 tháng tới**
 - Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
 - Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
 - Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, KIS Vietnam Securities Corp. và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không ký vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

KIS Vietnam Securities Corp. hoặc các bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp. không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 6/09/2026. KIS Vietnam Securities Corp. đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác. Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 6/09/2026.

Người thực hiện: Phòng phân tích

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Copyright © 2025 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.